

**BẢNG THUYẾT MINH SO SÁNH**

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031 theo quy định theo TT số 87/2025/TT-BTC	Mức chi theo NQ số 01/2021/NQ-HĐND ngày 03/02/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)		Mức chi đề xuất		Thuyết minh
					Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	
I	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b>			Thông tư này hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.			Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.		
II	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b>			Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.			Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được giao nhiệm vụ liên quan đến hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031		
							2. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, tổ chức để phục vụ cho công tác bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước		
III	<b>Điều 3. Mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí</b>								

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031 theo quy định theo TT số 87/2025/TT-BTC	Mức chi theo NQ số 01/2021/NQ-HĐND ngày 03/02/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)		Mức chi đề xuất		Thuyết minh
					Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	
1	<b>Chi tổ chức hội nghị</b>		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Chi hội nghị thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.		Thực hiện theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi		
2	<b>Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử</b>		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính đình chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018.	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.		Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.		
3	<b>Chi bồi dưỡng các cuộc họp</b>								
a	Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử các cấp, các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp, ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Tổ bầu cử								
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	200.000	500.000	200.000	100.000	500.000	350.000	Mức chi của tỉnh Kon Tum (cũ) nhiệm kỳ trước bằng 70% mức Trung ương. Đề xuất mức chi cấp tỉnh bằng 100% mức Trung ương tương tự mức chi của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) nhiệm kỳ trước. Mức chi cấp xã bằng 70% mức chi cấp tỉnh
-	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	100.000	200.000	100.000	50.000	200.000	150.000	
-	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	100.000	50.000	30.000	100.000	70.000	
b	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử								
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	150.000	300.000	150.000	60.000	300.000	200.000	Tỉnh Kon Tum (cũ) không quy định. Đề xuất mức chi cấp tỉnh bằng 100% mức Trung ương tương tự mức chi của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) nhiệm kỳ trước. Mức chi cấp xã bằng 70% mức chi cấp tỉnh
-	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	80.000	200.000	80.000	50.000	200.000	150.000	
-	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	100.000	50.000	30.000	100.000	70.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031 theo quy định theo TT số 87/2025/TT-BTC	Mức chi theo NQ số 01/2021/NQ-HĐND ngày 03/02/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)		Mức chi đề xuất		Thuyết minh
					Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	
4	<b>Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ủy ban bầu cử các cấp, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, Thường trực HĐND tỉnh (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành)</b>								
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	200.000	300.000	200.000	100.000	300.000	200.000	Mức chi của tỉnh Kon Tum (cũ) nhiệm kỳ trước bằng 70% mức Trung ương. Đề xuất mức chi cấp tỉnh bằng 100% mức Trung ương tương tự mức chi của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) nhiệm kỳ trước. Mức chi cấp xã bằng 70% mức chi cấp tỉnh
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi	100.000	200.000	100.000	60.000	200.000	150.000	
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	đồng/người/buổi	80.000	150.000	80.000	50.000	150.000	100.000	
d	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (trong đó có lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi	50.000	100.000	50.000	30.000	100.000	70.000	
e	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	đồng/báo cáo	2.500.000	5.000.000	2.500.000	1.500.000	5.000.000	3.500.000	
f	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	đồng/báo cáo	2.500.000	7.000.000	2.500.000	1.500.000	7.000.000	5.000.000	
g	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	500.000	1.000.000	500.000	300.000	1.000.000	700.000	
h	Xin ý kiến bằng văn bản của các cá nhân, chuyên gia	đồng/văn bản	Mức chi từ 200.000 đồng/người/lần (tối đa là 800.000/người /văn bản)	Mức chi từ 100.000 đồng/người/lần đến 300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản	Mức chi từ 200.000 đồng/người/lần (tối đa là 800.000/người /văn bản)	Mức chi 100.000 đồng/người/lần (tối đa là 400.000/người /văn bản)	300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản.	200.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 750.000 đồng/người/văn bản.	
5	<b>Chi xây dựng văn bản</b>								
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo TT 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2015 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Thực hiện theo TT 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính  Thực hiện theo NQ 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/10/2018 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi			

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031 theo quy định theo TT số 87/2025/TT-BTC	Mức chi theo NQ số 01/2021/NQ-HĐND ngày 03/02/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)		Mức chi đề xuất		Thuyết minh
					Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	
	b) Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại khoản a Điều này liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn tỉnh, toàn xã, phường do Ủy ban bầu cử các cấp, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử các cấp ban hành (kế hoạch, thông tri, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết công cuộc bầu cử trong toàn tỉnh, các văn bản hướng dẫn cho một xã/phường nhưng được gửi đến tất cả các xã, phường để cùng áp dụng)								
-	Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu chỉnh lý)	đồng/văn bản	1.800.000	3.000.000	1.800.000	1.000.000	3.000.000	2.000.000	
-	Xin ý kiến bằng văn bản của các cá nhân, chuyên gia		Mức chi từ 200.000 đồng/người/lần (tối đa là 800.000/người /văn bản)	Mức chi từ 100.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản	Mức chi từ 200.000 đồng/người/lần (tối đa là 800.000/người /văn bản)	Mức chi 100.000 đồng/người/lần (tối đa là 400.000/người /văn bản)	300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản.	200.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 750.000 đồng/người/văn bản.	Mức chi của tỉnh Kon Tum (cũ) nhiệm kỳ trước bằng 70% mức Trung ương. Đề xuất mức chi cấp tỉnh bằng 100% mức Trung ương tương tự mức chi của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) nhiệm kỳ trước. Mức chi cấp xã bằng 70% mức chi cấp tỉnh
6	<b>Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử</b>								
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau								
-	Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thư ký Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó trưởng ban, thư ký Ban Bầu cử Đại biểu Quốc Hội; Trưởng ban, Phó trưởng ban, thư ký của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.	đồng/người/tháng	2.000.000	3.300.000	2.000.000	1.500.000	3.300.000	2.300.000	Mức chi của tỉnh Kon Tum (cũ) nhiệm kỳ trước bằng 70% mức Trung ương. Đề xuất mức chi cấp tỉnh bằng 100% mức Trung ương tương tự mức chi của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) nhiệm kỳ trước. Mức chi cấp xã bằng 70% mức chi cấp tỉnh
-	Ủy viên của Ủy ban bầu cử, Ủy viên của Ban Bầu cử đại biểu Quốc hội và Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Tổ trưởng Tổ bầu cử, thư ký Tổ bầu cử,	đồng/người/tháng	1.800.000	3.000.000	1.800.000	1.000.000	3.000.000	2.000.000	
-	Thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có)	đồng/người/tháng	1.500.000	2.700.000	1.500.000	700.000		1.500.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031 theo quy định theo TT số 87/2025/TT-BTC	Mức chi theo NQ số 01/2021/NQ-HĐND ngày 03/02/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)		Mức chi đề xuất		Thuyết minh
					Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	
						Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo thực tế; tính từ thời điểm các tổ chức phụ trách bầu cử (Ban Chỉ đạo; Ủy ban bầu cử; Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; các Tiểu ban; Ban bầu cử Quốc hội, Ban bầu cử HĐND...), thành lập đến khi các tổ chức phụ trách bầu cử kết thúc nhiệm vụ; nhưng tối đa không quá 4 tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo thực tế; tính từ thời điểm các tổ chức phụ trách bầu cử (Ban Chỉ đạo; Ủy ban bầu cử; Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; các Tiểu ban; Ban bầu cử Quốc hội, Ban bầu cử HĐND...), thành lập đến khi các tổ chức phụ trách bầu cử kết thúc nhiệm vụ; nhưng tối đa không quá 4 tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	
b	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử ngoài các đối tượng nêu tại điểm a khoản 9 Điều này (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).								
-	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử không quá 15 ngày	đồng/người/ngày	100.000	200.000	100.000	100.000	200.000	150.000	Mức chi của tỉnh Kon Tum (cũ) nhiệm kỳ trước tương tự mức chi tỉnh Quảng Ngãi (cũ). Đề xuất mức chi cấp tỉnh bằng 100% mức Trung ương tương tự mức chi của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) nhiệm kỳ trước. Mức chi cấp xã bằng 70% mức chi cấp tỉnh
-	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày thực hiện mức chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa trên cơ sở quyết định, văn bản huy động trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/người/tháng	1.500.000đ/ người /tháng	3.000.000	1.500.000đ/ người /tháng	800.000đ/ người /tháng	3.000.000	2.000.000	Mức chi của tỉnh Kon Tum (cũ) nhiệm kỳ trước bằng 70% mức Trung ương. Đề xuất mức chi cấp tỉnh bằng 100% mức Trung ương tương tự mức chi của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) nhiệm kỳ trước. Mức chi cấp xã bằng 70% mức chi cấp tỉnh
c	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/người/ngày	150.000đ/ người /ngày	300.000	150.000đ/ người /ngày	150.000đ/ người /ngày	300.000	200.000	Mức chi của tỉnh Kon Tum (cũ) nhiệm kỳ trước bằng 70% mức Trung ương. Đề xuất mức chi cấp tỉnh bằng 100% mức Trung ương tương tự mức chi của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) nhiệm kỳ trước. Mức chi cấp xã bằng 70% mức chi cấp tỉnh
	Chi bồi dưỡng các thành viên tổ bầu cử	Đồng/người							
	Chi bồi dưỡng công tác kiểm phiếu, tổng hợp đêm ngày bầu cử	đồng/tổ bầu cử							
	tất cả các lực lượng còn lại	Đồng/người							

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031 theo quy định theo TT số 87/2025/TT-BTC	Mức chi theo NQ số 01/2021/NQ-HĐND ngày 03/02/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)		Mức chi đề xuất		Thuyết minh
					Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	
7	Chi khoản hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử							Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, tính từ thời điểm các tổ chức phụ trách bầu cử thành lập (Ban Chi đạo; Ủy ban bầu cử; Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; các Tiểu ban; Ban bầu cử Quốc hội, Ban bầu cử HĐND...) đến khi kết thúc nhiệm vụ; nhưng tối đa không quá 4 tháng.	
a	Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thư ký Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó trưởng ban, thư ký Ban Bầu cử Đại biểu Quốc Hội; Trưởng ban, phó trưởng ban, thư ký của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp	đồng/người/tháng	500.000	500.000	500.000	200.000	500.000	300.000	Mức chi của tỉnh Kon Tum (cũ) nhiệm kỳ trước bằng 70% mức Trung ương. Đề xuất mức chi cấp tỉnh bằng 100% mức Trung ương tương tự mức chi của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) nhiệm kỳ trước. Mức chi cấp xã bằng 70% mức chi cấp tỉnh
b	Ủy viên của Ủy ban bầu cử, Ủy viên của Ban Bầu cử đại biểu Quốc hội và Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp	đồng/người/tháng	300.000	300.000	300.000	100.000	300.000	200.000	
c	Thành viên tổ chuyên môn giúp việc Tổ bầu cử	đồng/người/tháng	80.000		80.000	50.000			
8	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử								
a	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	80.000	150.000	80.000	50.000	150.000	100.000	Mức chi của tỉnh Kon Tum (cũ) nhiệm kỳ trước bằng 70% mức Trung ương. Đề xuất mức chi cấp tỉnh bằng 100% mức Trung ương tương tự mức chi của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) nhiệm kỳ trước. Mức chi cấp xã bằng 70% mức chi cấp tỉnh
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	60.000	100.000	60.000	40.000	100.000	70.000	
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000	30.000	50.000	50.000	
9	Chi đóng hòm phiếu (trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung), mức chi tối đa	đồng/hòm phiếu	350.000	500.000		350.000		500.000	Mức chi của tỉnh Kon Tum (cũ) nhiệm kỳ trước tương tự mức chi tỉnh Quảng Ngãi (cũ). Đề xuất mức chi cấp tỉnh bằng 100% mức Trung ương tương tự mức chi của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) nhiệm kỳ trước. Mức chi cấp xã bằng 70% mức chi cấp tỉnh
10	Chi khắc dấu (trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung), mức chi tối đa (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí)	đồng/dấu	250.000	400.000		250.000		400.000	
11	Chi băng niêm yết danh sách bầu cử (trường hợp chưa có băng niêm yết, hoặc băng cũ không thể sử dụng, cần phải bổ sung), mức chi tối đa	đồng/băng	1.500.000	1.500.000		1.500.000		1.500.000	
12	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số, xây dựng, cập nhật vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử			Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.		Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031 theo quy định theo TT số 87/2025/TT-BTC	Mức chi theo NQ số 01/2021/NQ-HĐND ngày 03/02/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)		Mức chi đề xuất		Thuyết minh
					Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	
13	Chi in ấn hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác bầu cử			Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ				Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ	
14	Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ bầu cử			Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm giao cho Văn phòng Quốc hội.				sử dụng các trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ Ủy ban bầu cử các cấp để phục vụ cho công tác bầu cử. Trường hợp có nhu cầu mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của Ủy ban bầu cử các cấp, đề nghị tổ chức sắm theo quy định pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công hiện hành. Thực hiện theo chế độ quy định hiện hành, thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định hiện hành về đấu thầu	
15	Các khoản chi phát sinh theo thực tế chưa được quy định mức chi tại văn bản này và các văn bản quy phạm pháp luật khác, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia phối hợp với Văn phòng Quốc hội thống nhất quy định bổ sung; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội ban hành bằng văn bản để triển khai thực hiện.							Thực hiện thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo chế độ quy định hiện hành.	
					Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Các nội dung chi khác không quy định tại điều này được thực hiện theo Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	
IV	Điều 4. Nguồn kinh phí							1. Kinh phí phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVU và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo (từ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu, nguồn ngân sách cấp tỉnh).	
V	Điều 5. Hiệu lực thi hành							Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2025	
								Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC	Mức chi tại Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031 theo quy định theo TT số 87/2025/TT-BTC	Mức chi theo NQ số 01/2021/NQ-HĐND ngày 03/02/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)		Mức chi đề xuất		Thuyết minh
					Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	
VI	Điều 6. Tổ chức thực hiện								
									1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.
									2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết.